

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 132/MHC

V/v: "BCTC 6 tháng năm 2015 đã soát xét
- Công ty mẹ"

Hải Phòng, ngày 28 tháng 08 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 Tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: 0313 614630

Fax: 0313 614640

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 35770810

Fax:

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2015 đã soát xét - Công ty mẹ

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2015 tại đường dẫn www.marinahanoi.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính 6 tháng
năm 2015 đã soát xét - Công ty mẹ

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
Nguyễn Thị Lan Anh



Công ty Cổ phần MHC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần MHC
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh**

Số 0100793715

ngày 1 tháng 4 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 11 năm 1998. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 19 lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100793715 ngày 1 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Chu Nguyên Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Chủ tịch <i>(từ ngày 8 tháng 5 năm 2015)</i>
Ông Hoàng Duy Anh	Thành viên
Ông Phan Phương Anh	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 4 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh	Thành viên <i>(từ ngày 8 tháng 5 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên <i>(đến ngày 13 tháng 7 năm 2015)</i>
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên <i>(đến ngày 8 tháng 5 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Quang Phúc	Thành viên <i>(đến ngày 15 tháng 4 năm 2015)</i>

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Duy Anh Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 7, Tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ
Phường Đông Hải 2, Quận Hải An
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần MHC
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Duy Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần MHC tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2015 và đã đưa ra kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 trong báo cáo soát xét ngày 25 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-127-a



Dàm Văn Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần MHC**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		169.194.594.118	52.403.550.922
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	39.452.253.252	84.870.429
Tiền	111		1.530.253.252	84.870.429
Các khoản tương đương tiền	112		37.922.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		78.044.473.938	351.463.938
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	22.388.112.928	351.463.938
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(4.343.638.990)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	60.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.384.289.725	49.719.737.417
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	51.565.877.271	53.716.808.366
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.980.000.000	3.123.991.435
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.086.697.779	2.127.222.941
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.248.285.325)	(9.248.285.325)
Hàng tồn kho	140		1.671.200	3.398.500
Hàng tồn kho	141		1.671.200	3.398.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.311.906.003	2.244.080.638
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92.792.220	250.229.034
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	561.941.630	173.983.879
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(a)	574.072.153	575.072.153
Tài sản ngắn hạn khác	155		83.100.000	1.244.795.572

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần MHC**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		138.388.989.566	145.674.147.630
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản cố định	220		32.834.990.821	33.670.473.487
Tài sản cố định hữu hình	221	11	32.088.497.021	32.923.979.687
<i>Nguyên giá</i>	222		39.560.376.134	39.560.376.134
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.471.879.113)	(6.636.396.447)
Tài sản cố định vô hình	227	12	746.493.800	746.493.800
<i>Nguyên giá</i>	228		746.493.800	746.493.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(c)	95.542.746.729	101.542.746.729
Đầu tư vào công ty con	251		15.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		76.042.746.729	82.042.746.729
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.500.000.000	4.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.252.016	460.927.414
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.752.016	458.427.414
Tài sản dài hạn khác	268		2.500.000	2.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		307.583.583.684	198.077.698.552

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần MHC

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		24.278.379.614	62.870.358.589
Nợ ngắn hạn	310		24.228.797.614	61.889.628.589
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.946.361.713	5.459.189.569
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.267.000	135.267.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	18.081.417	3.847.434
Phải trả người lao động	314		1.441.146.991	1.820.939.559
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.600.275.948	16.973.931.039
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		229.027.905	10.909.091
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.714.514.682	7.728.322.939
Vay ngắn hạn	320	18	7.140.000.000	29.740.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.121.958	17.221.958
Nợ dài hạn	330		49.582.000	980.730.000
Phải trả dài hạn khác	337		49.582.000	980.730.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		283.305.204.070	135.207.339.963
Vốn chủ sở hữu	410	19	283.305.204.070	135.207.339.963
Vốn cổ phần	411	20	271.109.080.000	135.555.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		271.109.080.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	28.679.580.000	24.001.910.000
Cổ phiếu quỹ	415	20	(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	8.712.225.710	8.712.225.710
Lỗi lũy kế	421	19	(25.194.481.640)	(33.060.735.747)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.060.735.747)	(82.995.925.209)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.866.254.107	49.935.189.462
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		307.583.583.684	198.077.698.552

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thị Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Duy Anh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần MHC**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 02a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	20.611.124.004	2.410.369.142
Giá vốn hàng bán	11	24	20.623.670.327	2.270.381.351
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(12.546.323)	139.987.791
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	12.159.422.539	9.135.180.862
Chi phí tài chính	22	26	5.957.342.563	1.224.028.458
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.572.107.197</i>	<i>1.130.862.601</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.108.264.911	1.834.279.447
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		4.081.268.742	6.216.860.748
Thu nhập khác	31	27	751.625.100	6.764.369.246
Chi phí khác	32	28	(3.601.807.976)	1.940.819.250
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.353.433.076	4.823.549.996
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.434.701.818	11.040.410.744
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	568.447.711	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		7.866.254.107	11.040.410.744

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Lê Thị Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Hoàng Duy Anh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

Công ty Cổ phần MHC**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.434.701.818	11.040.410.744
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	835.482.666	1.030.696.191
Các khoản dự phòng	03	4.343.638.990	159.502.652
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(50.522.612)	10.634.022
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.108.899.927)	(7.159.357.147)
Chi phí lãi vay	06	1.572.107.197	1.130.862.601
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.026.508.132	6.212.749.063
Biến động các khoản phải thu	09	3.353.258.197	5.209.617.225
Biến động hàng tồn kho	10	1.727.300	1.171.400
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(16.896.934.526)	(1.323.879.855)
Biến động chi phí trả trước	12	607.112.212	85.404.949
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(22.036.648.990)	-
		(31.944.977.675)	10.185.062.782
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.371.386.899)	(4.784.787.825)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.100.000)	(14.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.329.464.574)	5.386.024.957
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(60.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(9.422.720.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	6.132.000.000	7.244.213.271
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	7.933.118.134	2.676.293.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.934.881.866)	497.786.753

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần MHC**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	140.231.610.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	40.830.388.889	8.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(60.430.388.889)	(23.667.124.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	120.631.610.000	(15.667.124.010)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	39.367.263.560	(9.783.312.300)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (Thuyết minh 5)	60	84.870.429	16.269.203.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	119.263	90.513
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	39.452.253.252	6.485.981.452

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Lê Thị Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Hoàng Duy Anh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý hàng hải;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1 công ty con và 3 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2015: 1 công ty con và 4 công ty liên doanh, liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 6(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 18 nhân viên (1/1/2015: 17 nhân viên).

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính về Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)).

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế. Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của BCC là chia lợi nhuận sau thuế nhưng bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên thường phải có quyền, điều kiện, khả năng đề đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC. Bên kế toán và quyết toán thuế phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác. Các bên khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 - 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	4 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa lãi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	68.046.632	10.980.033
Tiền gửi ngân hàng	1.462.206.620	73.890.396
Các khoản tương đương tiền	37.922.000.000	-
	<hr/>	
	39.452.253.252	84.870.429
	<hr/>	

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu HMMH - Công ty Cổ phần Hải Minh	807.999	22.038.054.573	4.343.638.990	99
Cổ phiếu Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	-	5.000
Cổ phiếu TMS - Công ty Cổ phần Transimex - Saigon	2	58.355	-	2
				Đã phân loại lại
		22.388.112.928	4.343.638.990	351.463.938
				Dự phòng giảm giá VND

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2015		1/1/2015		Giá gốc VND
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư góp vốn vào:					
▪ Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng (**)	100%	100%	15.000.000.000	100%	15.000.000.000
▪ Công ty liên kết					
• Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức (**)	-	-	-	40%	(*) 6.000.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (**)	6.478.120	27,93%	71.605.746.729	27,93%	71.605.746.729
• Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (**)	270.300	45,05%	2.703.000.000	45,05%	2.703.000.000
▪ Công ty liên doanh					
• Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (**)	450.000	8,57%	4.500.000.000	51%	1.734.000.000
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Dược phẩm TW3 (**)	450.000	8,57%	4.500.000.000	8,57%	4.500.000.000
			<u>95.542.746.729</u>		<u>101.542.746.729</u>

(*) Ngày 4 tháng 12 năm 2014, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng 40% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà. Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển nhượng vốn này, Công ty không còn nắm giữ quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức kể từ ngày ký kết hợp đồng.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo người mua có số dư lớn**

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Thuyết minh 33)	43.404.539.000	45.404.539.000
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5.516.183.019	5.516.183.019
Các khách hàng khác	2.645.155.252	2.796.086.347
	51.565.877.271	53.716.808.366

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Cảng Hải An	184.154.105	211.030.799
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	36.219.205	38.634.574
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	-	1.461.966
	220.373.310	251.127.339

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	1.985.290.524	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.415.421.793	-
Phải thu khác	1.685.985.462	2.127.222.941
	5.086.697.779	2.127.222.941

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2015 và 1/1/2015	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn			
▪ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	trên 3 năm	5.516.183.019	5.516.183.019
▪ Công ty Cổ phần Du lịch và Vận tải Dương Đông	trên 3 năm	1.846.428.831	1.846.428.831
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào	trên 3 năm	328.000.000	328.000.000
▪ Công ty Giao thông Vận tải Quyết Tiến	trên 3 năm	238.100.000	238.100.000
▪ Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	trên 3 năm	110.000.000	110.000.000
Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác		1.427.590.272	1.209.573.475
		9.466.302.122	9.248.285.325

10. Phải thu dài hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000

Ngày 25 tháng 9 năm 2014, Công ty tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16/HĐHTKD về việc góp vốn đầu tư và khai thác tàu chở container với 5 đối tác, bao gồm: Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức, Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn, Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An và Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có, từ hoạt động kinh doanh tàu chở container nói trên tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn tối thiểu của hợp đồng hợp tác kinh doanh là 5 năm và có thể được gia hạn thêm nếu các bên có thỏa thuận bằng văn bản.

Công ty ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh của mình phần doanh thu, chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động khai thác tàu chở container theo tỷ lệ vốn góp của Công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	38.530.325.770	52.074.000	977.976.364	39.560.376.134
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	6.563.947.939	52.074.000	20.374.508	6.636.396.447
Khấu hao trong kỳ	774.359.142	-	61.123.524	835.482.666
Số dư cuối kỳ	7.338.307.081	52.074.000	81.498.032	7.471.879.113
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	31.966.377.831	-	957.601.856	32.923.979.687
Số dư cuối kỳ	31.192.018.689	-	896.478.332	32.088.497.021

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không có tài sản cố định hữu hình nào được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (1/1/2015: tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 31.930 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty) (Thuyết minh 18).

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	445.299.400	13.128.014	458.427.414
Phân bổ trong kỳ	(5.974.500)	(4.375.998)	(10.350.498)
Thanh lý	(439.324.900)	-	(439.324.900)
Số dư cuối kỳ	-	8.752.016	8.752.016

Công ty Cổ phần MHC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	1.188.817.357
Công ty Bảo Minh Bến Thành	-	1.129.920.708
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000
Các nhà cung cấp khác	2.552.394.356	2.735.301.504
	<hr/>	<hr/>
	3.946.361.713	5.459.189.569

(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000
Hãng Đăng kiểm Germanischer Lloyd	358.062.505	382.740.155
ISS Machinery Services	390.414.184	393.574.448
Howe Robinson & Co. Ltd	291.022.820	285.650.584
Trường Cao Đẳng Hàng Hải	247.584.025	247.584.025
Các nhà cung cấp khác	800.851.841	793.106.182
	<hr/>	<hr/>
	2.493.085.375	2.507.805.394

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	173.983.879	424.286.219	(36.328.468)	561.941.630
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	575.072.153	-	(1.000.000)	574.072.153

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải trả trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	3.847.434	67.207.760	(52.973.777)	18.081.417
Thuế giá trị gia tăng	-	246.770.878	(246.770.878)	-

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - Bến số 2 Cảng tổng hợp Dung Quất	7.268.181.818	13.193.993.225
Chi phí lãi vay	700.716.667	3.019.918.591
Các khoản trích trước khác	631.377.463	760.019.223
	8.600.275.948	16.973.931.039

Công ty Cổ phần MHC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhận tiền ứng trước từ hợp đồng chuyển nhượng vốn (Thuyết minh 6(c))	-	2.628.000.000
Phải trả khác cho các bên liên quan	1.898.489.372	4.139.787.285
Các khoản phải trả, phải nộp khác	816.025.310	960.535.654
	2.714.514.682	7.728.322.939
	2.714.514.682	7.728.322.939

(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
Phải trả khác	739.242.534	760.075.867
	2.242.242.534	2.263.075.867
	2.242.242.534	2.263.075.867

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	-	1.857.936.076
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	395.489.372	778.851.209
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
	1.898.489.372	4.139.787.285
	1.898.489.372	4.139.787.285

Phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2015 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Vay ngắn hạn	15.740.000.000	40.830.388.889	(49.430.388.889)	7.140.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)	-
	29.740.000.000	40.830.388.889	(63.430.388.889)	7.140.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	VND	5%	7.140.000.000	9.940.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	VND	6,8%	-	3.000.000.000
Ông Hoàng Duy Anh	VND	12%	-	2.800.000.000
			7.140.000.000	15.740.000.000

Khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay của Công ty tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 31.930 triệu VND (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	2.365.477.900	6.346.747.810	(82.995.925.209)	85.272.150.501
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	11.040.410.744	11.040.410.744
Số dư tại ngày 30/6/2014	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	2.365.477.900	6.346.747.810	(71.955.514.465)	96.312.561.245
Số dư tại ngày 1/1/2015	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	2.365.477.900	6.346.747.810	(33.060.735.747)	135.207.339.963
- đã báo cáo trước đây							
Phân loại lại	-	-	-	6.346.747.810	(6.346.747.810)	-	-
- Thuyết minh 34							
Số dư tại ngày 1/1/2015	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	8.712.225.710	-	(33.060.735.747)	135.207.339.963
- đã phân loại lại							
Phát hành cổ phiếu	135.553.940.000	4.677.670.000	-	-	-	-	140.231.610.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	7.866.254.107	7.866.254.107
Số dư tại ngày 30/6/2015	271.109.080.000	28.679.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	-	(25.194.481.640)	283.305.204.070

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.110.908	271.109.080.000	13.555.514	135.555.140.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.110.908	271.109.080.000	13.555.514	135.555.140.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	120	1.200.000	120	1.200.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.110.788	271.107.880.000	13.555.394	135.553.940.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	13.555.514	135.555.140.000	13.555.514	135.555.140.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	13.555.394	135.553.940.000	-	-
Số dư cuối kỳ	27.110.908	271.109.080.000	13.555.514	135.555.140.000

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2015 và 1/1/2015 VND
Bransford International Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	1.510.085.635
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000
Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	832.800.000
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Nợ đọng kéo dài	2012	353.441.000
Obayashi Corporation	Nợ đọng kéo dài	2013	671.955.900
Các khoản nợ khó đòi khác	Nợ đọng kéo dài	2012	1.406.380.106
			5.781.662.641

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	2.238.680.871	2.410.369.142
Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	18.372.443.133	-
	20.611.124.004	2.410.369.142

24. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	4.804.965.429	2.270.381.351
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	15.818.704.898	-
	20.623.670.327	2.270.381.351

Công ty Cổ phần MHC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.150.710.627	187.619.968
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.760.000.000	2.115.786.729
Cổ tức được chia	7.198.189.300	6.796.769.700
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.522.612	35.004.465
	<hr/>	<hr/>
	12.159.422.539	9.135.180.862

26. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.572.107.197	1.130.862.601
Lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh	40.500.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.096.376	93.165.857
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 6(a))	4.343.638.990	-
	<hr/>	<hr/>
	5.957.342.563	1.224.028.458

27. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí lãi vay được miễn giảm	250.000.000	6.751.148.519
Chuyển nhượng thẻ hội viên câu lạc bộ gôn	501.625.100	-
Các khoản thu nhập khác	-	13.220.727
	<hr/>	<hr/>
	751.625.100	6.764.369.246

Công ty Cổ phần MHC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Điều chỉnh giảm chi phí chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - Bến số 2 Cảng tổng hợp Dung Quất (*)	(3.601.807.976)	-
Xóa sổ chi phí thiết kế của dự án dừng đầu tư	-	1.940.819.250
	(3.601.807.976)	1.940.819.250

(*) Trong năm 2014, Công ty đã ghi nhận khoản thu nhập khác trị giá 51.441 triệu VND và chi phí khác trị giá 13.809 triệu VND cho giao dịch chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - Bến số 2 Cảng tổng hợp Dung Quất cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (“PTSC”). Theo Phụ lục hợp đồng ngày 4 tháng 5 năm 2015, Công ty và PTSC thống nhất giảm bớt một hạng mục cần bàn giao. Theo đó, Công ty điều chỉnh giảm khoản chi phí thuần (sau khi đối trừ với khoản điều chỉnh giảm thu nhập khác) đã trích trước trong năm 2014 cho hạng mục này.

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nhân công	1.568.312.594	1.533.589.006
Chi phí khấu hao	835.482.666	1.030.696.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.986.148.441	873.777.520
Chi phí bằng tiền khác	523.286.639	666.598.081
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	15.818.704.898	-
	22.731.935.238	4.104.660.798

30. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành Thuế thu nhập doanh nghiệp được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	568.447.711	-

Công ty Cổ phần MHC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.434.701.818	11.040.410.744
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.855.634.400	2.428.890.364
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.287.186.689)	(2.428.890.364)
	568.447.711	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng		
Nhận tiền gốc vay	600.000.000	2.200.000.000
Trả tiền gốc vay	3.400.000.000	-
Chi phí lãi vay	700.716.667	-
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	207.818.108	198.203.756
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức		
Bù trừ khoản vay	3.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	6.199.998	159.455.556
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	381.633.470	283.684.125
Cổ tức được chia	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An		
Nhận và trả tiền gốc vay	-	5.800.000.000
Chi phí lãi vay	-	66.538.889
Cổ tức được chia	6.478.120.000	5.889.200.000

Công ty Cổ phần MHC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	1.207.665.081	978.207.423
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	202.876.840	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	162.425.000	108.400.000
Nhận tiền gốc vay - Ông Hoàng Duy Anh	100.000.000	-
Trả tiền gốc vay - Ông Hoàng Duy Anh	2.900.000.000	-
Chi phí lãi vay - Ông Hoàng Duy Anh	56.600.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	272.000.000	199.000.000
Nhận và trả tiền gốc vay - Ông Chu Nguyên Bình	5.000.000.000	-
Chi phí lãi vay - Ông Chu Nguyên Bình	35.000.000	-

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Bù trừ khoản vay với công nợ phải thu Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	3.000.000.000	-

33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 9 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được số tiền 43.234 triệu VND từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam liên quan tới việc thanh toán khoản phải thu từ giao dịch chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - Bến số 2 Cảng tổng hợp Dung Quất (Thuyết minh 7(a)).

